

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày 08/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Biểu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiêm và bà Trịnh Thị Kim Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thủy Quyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 123/2020/TLST-HS ngày 11/11/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

*** Hoàng Văn T** (Tên gọi khác: Nguyễn Thanh T), sinh năm 1945; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 7/10; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ địa chính, Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã mua bán xã A, huyện KT (nay là xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên); Con ông: Hoàng Văn Tảng (đã chết); con bà: Hoàng Thị M (đã chết); vợ: Lê Thị T (đã chết); con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1971, con nhỏ nhất sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến ngày 21/8/2020 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, (có mặt).

*** Bị hại:** Cục Dự trữ Nhà nước D (viết tắt là E). Trụ sở: Đường G, phường H, I, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Ánh N - Cục trưởng, (vắng mặt). Người được ủy quyền: Ông Bùi Trung T, Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán - Cục Dự trữ Nhà nước D, (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Hoàng Thị M (Hoàng Thị Q), sinh năm 1975. Địa chỉ: K, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hưng Yên, (có mặt).

*** Người làm chứng:** Ông Hoàng N, ông Phạm Thanh B, ông Phan D, ông Nguyễn Trọng C, ông Dương Văn S, ông Nguyễn Bá D, ông Hoàng Văn T, (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Xuân P (tên gọi khác là Bùi Xuân T), sinh năm 1945, trú quán tại: thôn Tạ Thượng, xã A, huyện KT là Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) xã A từ năm 1986 đến 1990. Vào khoảng đầu tháng 11/1989 được biết Chi cục dự trữ HH (nay là Cục Dự trữ Nhà nước D, gọi tắt là E) có chủ trương cho đổi hạt. Bùi Xuân P đã báo cáo Ban Thường vụ xã và Ban chủ nhiệm HTXNN làm thủ tục xin vay từ 50-100 tấn để bán lấy tiền trả nợ ngân hàng vì HTX đã nợ quá hạn, đến mùa thu hoạch của xã viên trả. Ngày 22/11/1989, Thường vụ Đảng ủy xã, Ban chủ nhiệm HTXNN đã họp và thống nhất có nghị quyết cho HTX vay thóc để đổi hạt của E với số lượng 50-100 tấn. Việc vay giao cho HTXNN thực hiện, trong ban quản lý HTXNN giao cho anh Hoàng Văn H ở N, A, KT viết đơn. Anh Hoàng Văn H đã thống nhất với ông Dương Văn S - Bí thư Đảng bộ xã viết đơn với lượng vay là 500 tấn (mục đích là sau khi xét duyệt trừ đi là vừa). Sau khi hoàn thiện đơn ông Đoàn Trọng D Phó Chủ tịch huyện ký và Hoàng Văn H ký đại diện cho HTXNN xã A. Ngay hôm sau anh Hoàng Văn H cùng với ông Dương Văn S, Đặng Văn L - Kế toán trưởng HTX nông nghiệp xã A đi đặt vấn đề xin vay thóc đổi hạt, do phải chi phí lớn nhưng lại không có hóa đơn chứng từ nên không vay nữa. Anh Hoàng Văn H đã cầm đơn về đưa lại cho Bùi Xuân P.

Khoảng ba ngày sau Hoàng Văn T, sinh năm 1945 ở xã A, huyện KT, tỉnh Hải Hưng là cán bộ địa chính xã và là Phó Chủ nhiệm hợp tác xã mua bán xã Tạ Xá (HTXMB) đến nhà Bùi Xuân P nói chuyện và đặt vấn đề xin vay quỹ phát triển sản xuất của HTXNN để kinh doanh, Bùi Xuân P trả lời có trích lập quỹ này nhưng hiện tại còn nợ đọng ở trong dân. Phúc có kể lại câu chuyện không vay thóc của E nữa thì Hoàng Văn T bảo cho T mượn đơn xin vay của HTXNN để T đi liên hệ xem có vay được không. Mặc dù biết Trung là Phó Chủ nhiệm HTX mua bán, không đủ điều kiện vay thóc của E, nhưng do tình cảm, nể nang nên Phúc đã đưa đơn cho T, T đề nghị P viết cho một giấy giới thiệu với nội dung: “HTXNN Tạ Xá giới thiệu ông Hoàng Văn T là Phó Chủ nhiệm HTX mua bán đến E liên hệ xin vay thóc cho HTX mua bán xã Tạ Xá” P đã ký với tư cách chủ nhiệm hợp tác xã.

Khoảng mấy ngày sau Hoàng Văn T đến nhà P thông báo đơn chưa được duyệt, T đưa ra hai bản hợp đồng in sẵn nhưng chưa ghi gì và cũng chưa ai ký và đề nghị P ký trước cho mấy bản, khi nào liên hệ duyệt được thì ghi nội dung cụ thể. Phúc hỏi “Bây giờ số lượng chưa biết là bao nhiêu phải có kế toán ký thì mới có giá trị”. T nói: “Thôi ông cứ ký đi để tôi khẩn trương đi xin duyệt nếu được duyệt vay còn phải mang về cho kế toán trưởng ký mới lấy được thóc, nếu kế toán không ký tôi hủy hợp đồng đi”. Nghe Trung nói có lý và khỏi đi lại nhiều nên P đã ký vào hai bản hợp đồng với tư cách đại diện bên B. Tuy nhiên, P ghi rõ nội dung “Ông Hoàng Văn T Phó Chủ nhiệm HTX mua bán trực tiếp nhận và chịu trách nhiệm thanh toán với bên A” sau đó Bùi Xuân P cũng không

quan tâm việc Hoàng Văn T có vay được hay không và Trung cũng không nói lại cho Phúc biết.

Sau khi có được đơn, Hoàng Văn T đã chủ động liên hệ với Chi Cục dự trữ tỉnh Hải Hưng. Ngày 16/12/1989, Chi Cục dự trữ tỉnh HH có Quyết định số 92 xuất đổi thóc tẻ tại kho xã L thuộc cụm kho C346 (Cụm kho KT) cho HTXMB A với số lượng 400 tấn. Cùng ngày 16/12/1989 giữa Chi Cục dự trữ tỉnh HH có ký hợp đồng đổi thóc tẻ số 128 do ông Hoàng N (đại diện bên A) - Phó Trưởng chi cục với ông Bùi Xuân P - Chủ nhiệm HTXNN xã Tạ Xá, KT, Hải Hưng số lượng 400 tấn thời điểm thanh toán hạn cuối cùng là ngày 30/6/1990 trong hợp đồng có ghi rõ nếu quá hạn thì sẽ bị phạt hợp đồng là 1%/tổng số lượng thóc đã quy đổi.

Khi nhận thóc từ cụm kho C346, Hoàng Văn T đã bán cho vợ chồng anh Cao Văn Q, chị Trần Thị Y trú tại thị trấn K, xã L, huyện KT 400 tấn thóc với giá 275đ/1kg. Toàn bộ số tiền trên đã thanh toán đầy đủ cho T. Hoàng Văn T đã dùng số tiền thu được để kinh doanh mua phân bón cung ứng cho xã viên và Hợp tác xã lân cận trong khu vực huyện KT vay, với mục đích đến vụ thu hoạch lúa chiêm năm 1990 sẽ thu lại thóc trả cho E và hưởng chênh lệch. Thời điểm nhận thóc vay của E, T không có ý thức gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản. Đến giữa năm 1990, do thóc tăng giá và một số hợp tác xã, người dân đã nhận đổi thóc của Hoàng Văn T không thực hiện cam kết trả thóc đúng hạn dẫn đến T mất khả năng thanh toán, Hoàng Văn T chỉ thu hồi hoàn trả cho E tổng số 19.112 kg thóc, còn nợ lại 380.888 kg. Khi biết mình không còn điều kiện trả nợ, Hoàng Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho E.

Sau khi bỏ trốn, Hoàng Văn T đã di chuyển qua một số địa phương: Thanh Hóa, Nghệ An, TP Hồ Chí Minh, rồi đến Ấp 61, xã Thuận Bình, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An (*vùng biên giới Việt Nam - Campuchia*) cư trú, làm thuê, sử dụng tên gọi là Nguyễn Thanh T, quê quán tại: Xã Sài Nha, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú (*nay là tỉnh Phú Thọ*). Tại đây, Hoàng Văn T chung sống với bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1954; giữa hai người có một con gái chung là chị Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh năm 1994. Trong thời gian lẩn trốn cho đến khi bị bắt giữ, T không có hành vi phạm tội mới, chấp hành nghiêm pháp luật, chính sách tại địa phương.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản tỉnh Hưng Yên có Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐG xác định 380.888kg thóc tẻ mà bị can Hoàng Văn T đã chiếm đoạt của E có giá trị là: 114.266.400đ.

Trong quá trình điều tra, Trung đã nhờ cơ quan điều tra tác động gia đình khắc phục hậu quả. Ngày 04/8/2020 và 26/10/2020, chị Hoàng Thị M (tức Hoàng Thị Q), trú tại: Thị trấn L, huyện C, tỉnh Hưng Yên là con gái bị can Hoàng Văn T tự nguyện nộp số tiền 114.266.400 đồng khắc phục hậu quả cho bị can Trung.

Đối với Cục Dự trữ Nhà nước D (gọi tắt là E): Quá trình làm việc với những người có liên quan đến việc cho vay thóc tại E khẳng định không được hưởng bất kỳ lợi ích gì từ việc làm trên nên không có căn cứ xem xét, xử lý

trách nhiệm.

Đối với ông Dương Văn S - Bí thư Đảng ủy xã; ông Tạ Minh X - Chủ tịch UBND xã A; ông Hoàng Khánh T - Phó Bí thư thường trực Đảng ủy; ông Hoàng Văn T - Phó Chủ tịch, ông Hoàng Văn H (đã chết); Phan D - Phó Chủ nhiệm HTX nông nghiệp; Đặng Văn L - Kế toán HTX nông nghiệp A hiện đã chết; ông Nguyễn Trọng C - cán bộ kế hoạch. Quá trình điều tra xác định những người trên không biết việc Trung vay và sử dụng thóc của E nên cơ quan điều tra không xem xét và xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị V và chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị Ng (là con riêng của bà V) và chị Nguyễn Hoàng Ngọc A không biết việc T bị truy nã, nên không xem xét xử lý về hành vi không tố giác hoặc che giấu tội phạm.

Đối với Bùi Xuân P hiện bị can mắc bệnh hiểm nghèo, đang được điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai - Bộ Y tế trong tình trạng bị hôn mê sâu, viêm phổi, phải thở máy, chảy máu não lớn bán cầu trái, tràn máu não thất, tăng huyết áp, chuẩn đoán có nguy cơ tử vong, do vậy ngày 28/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 03/QĐ-CSKT đối với Bùi Xuân P.

Quá trình điều tra, Hoàng Văn T, đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 123/CT-VKS-P3 ngày 10/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hoàng Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo cải tạo tại địa phương.

Đại diện Cục Dự trữ Nhà nước D có quan điểm: Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo Hoàng Văn T hoàn trả 380.888kg thóc tương ứng với số tiền 114.266.400 đồng theo kết luận định giá tài sản; về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, o, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải trả cho Cục Dự trữ Nhà nước D số tiền 114.266.400đ. Ghi nhận việc chị Hoàng Thị M (Hoàng Thị Q) đã tự nguyện nộp số tiền 114.266.400đ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại thay cho bị cáo Hoàng Văn T. Về biện pháp cưỡng chế, đề nghị hủy bỏ biện pháp kê biên tài sản đối với bị cáo Hoàng Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị can Bùi Xuân P (Bùi Xuân T), hiện mắc bệnh hiểm nghèo, đang được điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai trong tình trạng bị hôn mê sâu, viêm phổi, phải thở máy, chảy máu não lớn bán cầu trái, tràn máu não thất, tăng huyết áp, chuẩn đoán có nguy cơ tử vong do vậy không còn nguy hiểm cho xã hội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Bùi Xuân P theo điểm a, b khoản 2 Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Bản tường trình; lời khai của bị hại; lời khai của những người làm chứng; kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Do tình cảm, mặc dù biết Hoàng Văn T không đủ điều kiện vay thóc của Chi Cục dự trữ Hải Hưng (E) nay là Cục Dự trữ Nhà nước D. Vào tháng 12/1989 tại xã Tạ Xá, huyện KT, tỉnh Hải Hưng (nay là xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên) Bùi Xuân P là Chủ nhiệm HTX nông nghiệp xã Tạ Xá đã giúp Hoàng Văn T là Phó Chủ nhiệm HTX mua bán xã A hoàn thiện các thủ tục để ký hợp đồng đổi 400 tấn thóc tẻ với Chi Cục dự trữ HH. Sau khi nhận được 400 tấn thóc Hoàng Văn T đã bán lấy tiền rồi mua phân bón về bán chịu cho xã viên, hợp tác xã để đến vụ chiêm năm 1990 thanh toán thu lại thóc trả E. Do vụ chiêm năm 1990 thóc tăng giá, một số hợp tác xã, người dân đã nhận đổi thóc của Hoàng Văn T không thực hiện đúng cam kết trả nợ đúng hạn dẫn đến Trung mất khả năng thanh toán 380.888 kg thóc tương đương với số tiền 114.266.400 đồng nên Trung đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ E.

Bị cáo Hoàng Văn T thực hiện hành vi phạm tội từ năm 1990, trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Hành vi nêu trên của bị cáo Trung đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1985, đối chiếu với Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi của bị cáo phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175. So sánh các khung hình phạt từ khoản 1 đến khoản 3 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1985 thấy đều cao hơn các khung hình phạt từ khoản 1 đến khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Hoàng Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Hoàng Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, bản thân được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huy hiệu chiến sĩ thi đua, Huy hiệu chiến sỹ giỏi, hiện nay đã 75 tuổi, sức khỏe yếu; quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại, bị cáo có đơn trình bày bản thân tuổi già, có nhiều bệnh tật, gia đình khó khăn xin được cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị xem xét cho bị cáo, đại diện bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, o, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Hoàng Văn T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hiện nay bị cáo tuổi đã cao, sức khỏe yếu. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và thể hiện sự nhân đạo nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Hoàng Văn T hiện tuổi cao, sức yếu, bản thân sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hoàng Văn T đã chiếm đoạt 380.888kg thóc tương đương với số tiền 114.266.400 đồng của Cục Dự trữ Nhà nước D. Đến nay Cục Dự trữ Nhà nước D yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 114.266.400 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho Cục Dự trữ Nhà nước D. Ghi nhận việc chị Hoàng Thị M

(Hoàng Thị Q) đã tự nguyện nộp số tiền 114.266.400 đồng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại thay cho bị cáo Hoàng Văn T.

[7]. Về biện pháp cưỡng chế: Biện pháp cưỡng chế là kê biên tài sản được Công an huyện KT - tỉnh Hải Hưng áp dụng đối với bị cáo Hoàng Văn T theo Lệnh kê biên tài sản số 07 ngày 01/01/1991 và Biên bản kê biên tài sản ngày 21/01/1991: Xét thấy, bị cáo Hoàng Văn T đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, việc kê biên tài sản không còn cần thiết, nên căn cứ Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp kê biên tài sản đối với bị cáo Hoàng Văn T.

[8]. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí theo theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 3 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Hoàng Văn T (Nguyễn Thanh T) phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- **Áp dụng:** điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, o, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Văn T.

- **Xử phạt:** Bị cáo Hoàng Văn T 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/01/2021.

Giao bị cáo Hoàng Văn T cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường cho Cục Dự trữ Nhà nước D số tiền 114.266.400 đồng (*Một trăm mười bốn triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*). Ghi nhận chị Hoàng Thị M (Hoàng Thị Q) đã tự nguyện nộp thay bị cáo Hoàng Văn T số tiền 114.266.400 đồng để bồi thường cho Cục Dự trữ Nhà nước D. Bị cáo Hoàng Văn T đã bồi thường xong cho Cục Dự trữ Nhà nước D. (*Số tiền hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hưng Yên*).

(Tài sản nêu trên được nêu chi tiết tại Quyết định chuyển vật chứng số 14/QĐ-VKS-P3 ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

3. Về Biện pháp cưỡng chế: Áp dụng Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy Lệnh kê biên tài sản số 07 ngày 01/01/1991 của Công an huyện KT - tỉnh Hải Hưng đối với bị cáo Hoàng Văn T.

4. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng CSKT - Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Biểu